TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:**24**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Linh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Phú – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 285/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/QĐHPT ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị A, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị A đều trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn

C được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/1995 tại Uỷ ban nhân dân phường Văn An, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên rượu chè gây ra mâu thuẫn đánh đập chị, mặc dù được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng chị ly thân, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm nam nữ, không ai quan tâm và có trách nhiệm với nhau, không nói chuyện với nhau và không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng. Nay chị xác định chị và anh C không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc và không thể đoàn được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 đã trưởng thành không đề nghị giải quyết; Nguyễn Thu P, sinh ngày 09/4/2007; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/7/2008 hiện đang ở với anh C, các con chung có nguyện vọng ở với anh C chị đồng ý.

Về tài sản chung*:* Không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh xác nhận về thời gian điều kiện kết hôn như chị Dung trình bày là đúng: Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị A đi lao động tại Đài Loan về kinh tế riêng biệt, anh cho rằng chị Dung không chung thủy và còn tự tử nhưng được gia đình can ngăn nên không thành. Từ tháng 9/2021 đến nay vợ chồng ly thân mỗi người ở một nơi, chị A và anh không liên lạc gì với nhau. Tuy nhiên anh muốn đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 đã trưởng thành anh không đề nghị giải quyết; Nguyễn Thu Phương, sinh ngày 09/4/2007; Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/7/2008, hiện con chung Nguyễn Thu P và Nguyễn Thị Y đang ở với anh, khi ly hôn anh xin nuôi con chung và nhất trí với ý kiến của con chung xin ở với anh, hiện anh làm thợ xây thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con nên anh không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2022, ông Nguyễn Hồng S trưởng khu dân cư Hữu Lộc, phường Văn An cung cấp, anh C không hợp tác trong việc ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Hữu T, bố đẻ anh C cung cấp: Anh C, chị Dung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là hai bên kinh tế riêng biệt, không quan tâm đến nhau. Từ tháng 10/2021 chị Dung và anh C ly thân mỗi người ở một nơi, anh C làm thợ xây thu nhập ổn định.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị V là con của chị A, anh C trình bày:Anh C, chị Dung mâu thuẫn là do anh C không chịu làm ăn, tính nết nóng nảy, cục xúc, anh C xin đoàn tụ là lấy cớ gây khó khăn cho chị Dung.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Ch là mẹ đẻ chị A xác định, chị A và anh C sống không có hạnh phúc, hai bên đã ly thân lâu nên đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung để anh C nuôi. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Dung và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thu P sinh ngày 09/4/2007 và Nguyễn Thị Y sinh ngày 08/7/2008. Thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Anh C không yêu cầu chị A cấp dưỡng cần chấp nhận. Chị Dung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị A yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C và tranh chấp nuôi con nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh. Do bị đơn anh C cư trú tại phường Văn An, TP. Chí Linh nên Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến phiên tòa cho anh Nguyễn Văn C. Tuy nhiên anh C vẫn vắng mặt không lý do, như vậy Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn C hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự là đúng pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND phường Văn An cấp giấy chứng nhận vào ngày 23 tháng 10 năm 1995 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét chị A và anh C đã phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh C nhiều lần đánh đập chị Dung và chị không thể tiếp tục chung sống với anh C nên đã sống ly thân. Nay tình cảm của chị dành cho anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương

quyết yêu cầu ly hôn anh C. Anh C muốn đoàn tụ nhưng vắng mặt không hợp tác thể hiện anh C không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Dung. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Dung và anh C đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị A yêu cầu xin ly hôn với anh C là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình.

[5] Xét xề con chung: Chị A và anh C có 3 con chung là Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 đã trưởng thành không phải quyết; Nguyễn Thu P, sinh ngày 09/4/2007 và Nguyễn Thị Y sinh, ngày 08/7/2008 cả hai con chung đều đang ở với anh C và đều có nguyện vọng ở với anh C, anh C có nguyện vọng nuôi con chung, chị Dung cũng đồng ý. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử giao hai con chung Nguyễn Thu P và Nguyễn Thị Y cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp. Thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Anh C không yêu cầu chị A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Dung phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 4 Điều 147; Điều 171; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thu Phương, sinh ngày 09/4/2007 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 08/7/2008 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành hoặc có thỏa thuận khác. Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu chị Phạm Thị A cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị A không ai được cản

trở chị A thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Dung đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002859 ngày 17/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị Dung đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP .Chí Linh;
- Các đương sự (nguyên, bị đơn);
- UBND phường Văn An ghi sổ hộ tịch.
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Quang Minh